

# THỜI KỲ HÔN NHÂN TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2000

*Nguyễn Thị Lan\**

Theo nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con tại khoản 1 Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình (HN và GD) 2000 đã qui định như sau:

“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là con chung của vợ chồng.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng...”.

Có thể khẳng định việc qui định nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con thể hiện sự phát triển và hoàn thiện của pháp luật HN và GD.

Một trong những căn cứ để xác định diện con chung của vợ chồng theo nguyên tắc suy đoán pháp lý là thời kỳ hôn nhân.

Thời kỳ hôn nhân theo qui định của Luật HN và GD là “Khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân” (khoản 7 Điều 8 Luật HN và GD 2000). Theo thủ tục đăng ký kết hôn được qui định tại Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 17.12.2005 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch (sau đây gọi tắt là NĐ158) thì ngày đăng ký kết hôn sẽ được tính từ ngày hai bên nam nữ ký vào giấy chứng nhận kết hôn và được cán bộ tư pháp hộ tịch ghi vào sổ đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận kết hôn, cũng chính là ngày tổ chức đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam nữ để họ trở thành vợ chồng.

Tuy nhiên, trong trường hợp kết hôn trái pháp luật mà NQ02 hướng dẫn không máy móc xử huỷ thì xác định thời kỳ hôn nhân như thế nào cho phù hợp? Theo hướng dẫn của NQ02, đối với những trường hợp kết hôn

trái pháp luật nếu tại thời điểm có yêu cầu huỷ mà các bên kết hôn trái pháp luật không còn vi phạm điều kiện kết hôn, cuộc sống chung bình thường, hạnh phúc, có con chung, tài sản chung thì không máy móc xử huỷ; nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn thì Toà án thụ lý án để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung. Như vậy, thời điểm bắt đầu thời kỳ hôn nhân có được tính từ ngày đăng ký kết hôn không (?). Nếu lấy thời điểm này sẽ là không hợp lý vì tại thời điểm đó họ đang vi phạm điều kiện kết hôn và có thể sẽ có thời gian tồn tại song song hai thời kỳ hôn nhân như trong trường hợp người đang có vợ, có chồng lại kết hôn với người khác. Nếu tại thời điểm có yêu cầu huỷ thì việc kết hôn trước đã chấm dứt thì sẽ không máy móc xử huỷ việc kết hôn sau. Như vậy, trong một khoảng thời gian nhất định sẽ cùng tồn tại hai thời kỳ hôn nhân. Có quan điểm cho rằng, việc kết hôn trái pháp luật nếu chưa bị Toà án huỷ thì về nguyên tắc quan hệ đó vẫn là hợp pháp, vì vậy, thời kỳ hôn nhân vẫn tồn tại một cách đương nhiên. Quan điểm khác lại cho rằng việc kết hôn sau chưa bị huỷ nhưng bản chất của việc kết hôn đó luôn là trái pháp luật, vì vậy, giữa hai bên không tồn tại thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận kết hôn đó không có giá trị pháp lý. Do đó, không thể áp dụng nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con mà áp dụng trên cơ sở pháp lý khác; chỉ khi có yêu cầu huỷ và Toà án lại không máy móc huỷ thì quan hệ đó mới được thừa nhận và chỉ nên thừa nhận từ thời điểm họ không còn vi phạm điều kiện kết hôn mà thôi, tức là thời kỳ hôn nhân chỉ được tính từ ngày họ không còn vi phạm điều kiện kết hôn nữa. Và khi đó mới có cơ sở để áp dụng nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con. Đối với vấn đề này, pháp luật cần qui định cụ thể hơn.

\* Thạc sỹ Luật học, Giảng viên khoa Pháp luật dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Chấm dứt hôn nhân khi có một trong các sự kiện sau:

- Chấm dứt hôn nhân do một trong hai bên vợ chồng chết. Ngày một trong hai bên vợ chồng chết được xác định là ngày chấm dứt hôn nhân, nên xác định theo ngày thực tế vợ hoặc chồng chết chứ không xác định theo ngày được cấp giấy chứng tử. Tức là căn cứ vào sự kiện thực tế về cái chết của vợ hoặc chồng vì thời hạn đăng ký khai tử là 15 ngày kể từ ngày chết. Xét về mặt pháp lý thì kể từ khi được cấp giấy chứng tử thì mới đủ cơ sở pháp lý để xác định cái chết của một người, để từ đó xác định các quyền và nghĩa vụ của những chủ thể có quyền và lợi ích liên quan đến người chết. Nhưng trong việc xác định cha, mẹ, con việc xác định chính xác ngày chết của vợ hoặc chồng là vô cùng quan trọng và cần thiết.

- Chấm dứt hôn nhân do một trong hai bên vợ chồng bị toà án tuyên bố là chết. Vậy xác định ngày nào là ngày chấm dứt hôn nhân? Theo pháp luật dân sự thì một người bị tuyên bố là chết khi người đó đã bị tuyên bố mất tích sau ba năm mà không có tin tức xác thực là còn sống; biệt tích trong chiến tranh sau năm năm, kể từ ngày chiến tranh đó kết thúc mà không có tin tức xác thực là còn sống; bị tai nạn hoặc thảm họa thiên tai sau một năm, kể từ ngày tai nạn thảm họa thiên tai đó chấm dứt mà không có tin tức xác thực là còn sống; biệt tích năm năm trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống (Điều 81 – BLDS 2005). Ngày chết sẽ được tính tùy từng trường hợp cụ thể, nếu bị tai nạn thảm họa thiên tai thì ngày chết thông thường là ngày xảy ra tai nạn thảm họa thiên tai đó. Nhưng nếu không xác định được ngày chết của người đó thì ngày chết sẽ là ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật và ngày này cũng được xác định là ngày chấm dứt hôn nhân. Trong việc xác định cha, mẹ, con nếu lấy ngày chấm dứt hôn nhân là ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật thì việc xác định cha, mẹ, con sẽ không đảm bảo sự chính xác. Vì vậy, vấn đề này cũng cần phải xem xét để đưa ra hướng giải quyết đặc biệt.

- Chấm dứt hôn nhân do ly hôn. Ngày chấm dứt hôn nhân sẽ là ngày bản án hoặc quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật. Do vậy, đối với bản án sơ thẩm có thể chưa có hiệu lực pháp luật ngay và đương sự có quyền kháng cáo, chính vì vậy thời kỳ hôn nhân còn tiếp tục kéo dài cho đến khi hết thời gian kháng cáo mà đương sự không kháng cáo hoặc cho đến khi có bản án cho ly hôn tại cấp phúc thẩm. Đối với vấn đề này việc xác định cha, mẹ, con sẽ phức tạp hơn.

Ngoài ra, trong trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng thuộc các trường hợp qui định tại Nghị quyết số 35 /2000/QH10 ngày 09.06.2000 của Quốc hội khoá 7 về việc thi hành Luật HN và GD (sau đây gọi tắt là NQ35) và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (sau đây gọi tắt là TTLT01) thì thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng lại được tính từ ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng (ngày họ tổ chức lễ cưới, ngày họ về ở với nhau được tổ chức chứng kiến...) chứ không phải là ngày họ đăng ký kết hôn. Do vậy, có thể coi đây là một ngoại lệ về thời kỳ hôn nhân để xác định cha, mẹ, con được không? Điều này sẽ không có gì là phức tạp nếu họ sinh con sau khi họ đăng ký kết hôn, nhưng nếu họ sinh trước thời kỳ hôn nhân thì tại thời điểm sinh con bản thân quan hệ của họ chưa được công nhận là có thuộc trường hợp chung sống như vợ chồng có giá trị pháp lý hay không, nên khi họ đi làm thủ tục khai sinh cho con bắt buộc họ phải thông qua một thủ tục đăng ký nhận con ngoài giá thú thì trong giấy khai sinh của đứa con mới ghi đầy đủ phần họ tên cha và mẹ. Nếu họ không thông qua thủ tục đăng ký nhận con thì về nguyên tắc họ không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn thì UBND chỉ làm giấy khai sinh và chỉ ghi họ tên người mẹ vào giấy khai sinh của đứa con. Để giải quyết trường hợp này, NĐ77/2001/NĐ-CP ngày 22.10.2001 của Chính phủ qui định chi

tiết việc đăng ký kết hôn theo NQ35 (sau đây gọi tắt là ND77) qui định:

“ Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn của các trường hợp qui định tại Điều 1 của Nghị định này và được cha mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng”.

Nếu trong sổ đăng ký khai sinh và giấy khai sinh của người con vẫn bỏ trống phần ghi người cha, thì UBND cấp xã, nơi đăng ký khai sinh căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ để ghi bổ sung về người cha vào sổ đăng ký khai sinh của người con và giấy khai sinh của người con, đồng thời gạch bỏ phần ghi chú “con ngoài giá thú” trong sổ đăng ký khai sinh” (Điều 9). Như vậy, thời kỳ hôn nhân không đương nhiên trùng với thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng. Và con được sinh ra trong thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng trước khi đăng ký kết hôn không đương nhiên trở thành con chung của vợ chồng và không đương nhiên là con trong giá thú. Ở đây, nhà làm luật muốn nhấn mạnh tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân, đó là, phải có sự kiện kết hôn thì mới có cơ sở để áp dụng nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con.

Theo quan điểm của chúng tôi, pháp luật về HN và GD cần phải qui định các trường hợp đặc biệt trong việc xác định cha, mẹ, con theo nguyên tắc suy đoán pháp lý được đề cập trong Điều 63 Luật HN và GD năm 2000 theo hướng là thời kỳ hôn nhân cần được xác định cụ thể trong những trường hợp đặc biệt sau:

- Đối với trường hợp kết hôn trái pháp luật mà không máy móc xử hủy thì thời kỳ hôn nhân cần được xác định bắt đầu từ thời điểm khi hai bên không còn vi phạm điều kiện kết hôn nữa. Việc xác định thời điểm này có thể do Tòa án xác định ngay trong quyết định của Tòa án, sau đó, đương sự có thể đề nghị UBND chỉnh sửa lại thời điểm bắt đầu thời kỳ hôn nhân cho phù hợp. Việc xác định này có ý nghĩa trong việc xác định cha, mẹ, con khi đứa trẻ sinh ra trong khoảng thời gian hợp lệ thì đương nhiên được xác định là con chung của vợ chồng và

là con trong giá thú; khi đứa trẻ sinh ra trong khoảng thời gian trước đó, chưa làm giấy khai sinh, thì coi như trường hợp sinh con trước ngày đăng ký kết hôn và được cha, mẹ thừa nhận. Nhưng nếu người chồng không thừa nhận con thì họ tên người chồng không đương nhiên được ghi vào giấy khai sinh của đứa trẻ với tư cách là cha, và người mẹ muốn chứng minh ai là cha của đứa trẻ thì phải áp dụng việc xác định cha cho con ngoài giá thú.

- Đối với trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng được coi là có giá trị pháp lý thì khi họ đăng ký kết hôn, thời gian tính quan hệ vợ chồng được xác định là thời điểm bắt đầu chung sống, do vậy, con sinh ra trong quan hệ này, dù sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn thì có thể coi như một trường hợp ngoại lệ không cần có sự thừa nhận của cha, mẹ mà đương nhiên là con chung của vợ chồng khi họ xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn. Việc xác định thời kỳ hôn nhân ở trường hợp này được tính từ thời điểm bắt đầu chung sống thực sự trong quan hệ vợ chồng. Con sinh ra trong khoảng thời gian này phải xác định đương nhiên là con trong giá thú.

Thời điểm chấm dứt thời kỳ hôn nhân được xác định theo qui định của pháp luật. Việc xác định thời điểm chấm dứt thời kỳ hôn nhân là cơ sở để xác định con chung của vợ chồng nếu sau khi chấm dứt hôn nhân, trong vòng 300 ngày mà người vợ sinh con thì đứa con đó cũng được xác định là con chung của vợ chồng. “Con sinh ra trong vòng 300 ngày, kể từ ngày người chồng chết hoặc từ ngày bản án, quyết định của Tòa án xử cho vợ chồng ly hôn có hiệu lực pháp luật, thì được xác định là con chung của hai người” (khoản 2 Điều 21 Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 03.10.2001 của Chính phủ qui định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật HN và GD). Tuy nhiên, việc xác định cha, mẹ, con, theo chúng tôi, cần qui định những trường hợp ngoại lệ cho trường hợp ly hôn với người mất tích hoặc một trong hai vợ chồng bị tuyên bố là chết. Trong trường

hợp này không thể xác định thời gian 300 ngày kể từ ngày chấm dứt thời kỳ hôn nhân để suy đoán là con chung của vợ chồng được. Chẳng hạn, ông A và bà B là vợ chồng hợp pháp. Ông A đã biệt tích được 5 năm không có tin tức là còn sống, bà B đã yêu cầu xác định ông A chết (năm 2005). Khi có đủ căn cứ, Tòa án đã ra quyết định xác định ông A chết. Kể từ thời điểm quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thời kỳ hôn nhân sẽ chấm dứt. Vậy nếu sau đó trong khoảng 300 ngày kể từ khi hôn nhân chấm

dứt mà bà B sinh con thì đứa con này vẫn được xác định là con chung của bà B và ông A mặc dù ông A đã biệt tích cách đó hơn năm năm? Do vậy, theo quan điểm của chúng tôi, trong trường hợp này khoảng thời gian 300 ngày để xác định là con chung của vợ chồng phải được tính từ ngày bắt đầu biệt tích của người bị xác định đã chết. Như vậy, trong những trường hợp ngoại lệ thì ngay khi chưa chấm dứt thời kỳ hôn nhân cũng không đương nhiên được xác định là con chung của vợ chồng.

**Tiếp theo trang 14 “Vài suy nghĩ về việc tổng kết...”:**

nhằm tạo hiệu quả cao khi ban hành pháp luật, để các quy phạm pháp luật được ban hành đều rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với thực tiễn cuộc sống, ít phải ban hành văn bản hướng dẫn, tạo cho các văn bản pháp luật đó có sức sống lâu bền. Nếu tiếp tục tái diễn tình trạng thiếu tính ổn định, vừa ban hành được một vài năm chưa kịp ra hết các văn bản hướng dẫn đã phải sửa đổi, bổ sung hoặc sau khi ban hành luật phải có hàng chục văn bản hướng dẫn, mà vẫn chưa hướng dẫn hết thì thật khổ cho người dân, cho doanh nghiệp và cho cả cơ quan xét xử, cơ quan hướng dẫn xét xử, v.v.

3. Về mặt pháp lý, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan có nhiệm vụ hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong ngành toà án, chứ không phải là cơ quan giải thích pháp luật. Nhà nước cần cố gắng xây dựng luật ngày càng cụ thể, sát thực tiễn, để hạn chế ban hành văn bản giải thích hướng dẫn. Tuy nhiên, dù muốn hay không, việc giải thích hướng dẫn pháp luật vẫn là một yêu cầu tất yếu.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Hiến pháp năm 1992 thì cơ quan giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng lâu nay công việc này chưa được chú ý đúng mức vì Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn có nhiều nhiệm vụ quan trọng khác, lại không hợp thường xuyên, cho nên

việc yêu cầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích pháp luật một cách phù hợp và kịp thời là không hiện thực. Nếu sau này Hiến pháp vẫn quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích pháp luật thì nên chăng Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao cho các ban chuyên trách của Quốc hội như Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (là cơ quan đã thẩm định văn bản luật trước khi trình Quốc hội) chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng... chuẩn bị văn bản giải thích, để khi ban hành luật đồng thời ban hành các văn bản giải thích pháp luật. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thấy việc quy định giao thẩm quyền giải thích pháp luật cho Ủy ban Thường vụ quốc hội là không hợp lý, không khả thi dù có cải tiến cũng không thực hiện được, thì nên chăng cần kiên quyết sửa đổi cho phù hợp và cùng với yêu cầu khi luật có hiệu lực thì hành thì phải có văn bản giải thích pháp luật ra đời. Do đó, từ thời điểm luật được thông qua đến khi luật có hiệu lực thì hành nên có thời gian tương đối dài, đủ để các cơ quan được giao nhiệm vụ giải thích pháp luật, nghiên cứu ban hành văn bản giải thích; có như vậy luật mới nhanh chóng đi vào cuộc sống và cũng sớm phát hiện ra những điều bất cập.